

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thi công xây lắp công trình

1.2. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quang Xá, xã Quang Hưng (Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền; Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà ông Ngã; Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán; Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B)

1.3. Địa điểm xây dựng: Xã Quang Hưng, tỉnh Hưng Yên.

1.4. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quang Hưng.

1.5. Hình thức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.6. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 5.000 triệu đồng, ngân sách xã, nguồn thu từ đất và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.7. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

1.8. Các văn bản pháp lý liên quan:

- Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của UBND huyện Phù Cừ về việc phê duyệt BCKTKT xây công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quang Xá, xã Quang Hưng (Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền; Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà ông Ngã; Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán; Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B);

- Quyết định số 20/QĐ-BQLDA ngày 27/8/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quang Hưng về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quang Xá, xã Quang Hưng (Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền; Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà ông Ngã; Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán; Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B);

- Quyết định số 21/QĐ-BQLDA ngày 27/8/2025 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Quang Hưng về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quang Xá, xã Quang Hưng (Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền; Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà ông Ngã; Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán; Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B);

Thực hiện các công việc, hạng mục công việc của gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Quang Xá, xã Quang Hưng (Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền; Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà

ông Ngã; Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán; Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B) theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và theo mô tả công việc mời thầu, khối lượng mời thầu (trong Bảng kê hạng mục công việc - Mẫu số 01A).

1.9. Quy mô đầu tư

1.9.1. Quy mô đầu tư:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông
- Cấp công trình: Cấp IV.
- Cấp đường: Đường GTNT cấp A (Theo TCVN10380:2014).
- Dự án nhóm C
- Tốc độ tính toán: $V=(20-30)$ Km/h; Tải trọng trục tiêu chuẩn thiết kế: $P=6,0T$;
- Kết cấu mặt đường dự kiến: Mặt đường bê tông nhựa.

1.9.2. Giải pháp kỹ thuật:

a) *Bình đồ, hướng tuyến:*

- Tìm tuyến cơ bản theo tìm tuyến hiện trạng. Hướng tuyến thẳng bám sát địa hình hiện trạng tận dụng tối đa nền cũ.

- Tuyến nằm trên địa bàn thôn Quang Xá, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên: Chiều dài toàn tuyến khoảng $L=916,83m$ (Bao gồm 04 tuyến đường):

+ Đoạn 1: Từ nhà ông Liễu đến nhà bà Hiền, chiều dài 205,34m;

+ Đoạn 2: Từ nhà bà Côn đến nhà ông Ngã, chiều dài 263,63m;

+ Đoạn 3: Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Quán, chiều dài 248,63m;

+ Đoạn 4: Từ nhà bà Chi đến nhà ông Khương đi QL.38B, chiều dài 199,23m.

b) *Trắc dọc tuyến:*

Trên cơ sở nền đường hiện trạng khớp nối cao độ với các tuyến đường xuyng quanh khu vực tuyến. Xây dựng nền và mặt đường để đảm bảo chiều dày kết cấu và êm thuận toàn tuyến và đảm bảo hướng thoát nước về các vị trí đầu nối và cửa xả hiện có trên tuyến.

c) *Cắt ngang tuyến:*

* Đoạn 1, đoạn 2, đoạn 4:

+ Chiều rộng nền đường $B_n=6,0m$.

+ Chiều rộng mặt đường $B_m=2,50 \times 2=5,0m$, dốc ngang mặt đường $i=2\%$.

+ Chiều rộng lề đất $B.lề đất=2 \times 0,5=1,0m$; dốc ngang lề đất $i=4\%$.

+ Độ dốc mái taluy đắp 1/1,50; mái taluy đào 1/1,0.

* Đoạn 3

- Từ Km0+00-Km0+120:

+ Chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đường $B_m=2,75 \times 2=5,5\text{m}$, dốc ngang mặt đường $i=2\%$.

+ Chiều rộng lề đất B.lề đất $=2 \times 0,5=1,0\text{m}$; dốc ngang lề đất $i=4\%$.

+ Độ dốc mái taluy đắp 1/1,50; mái taluy đào 1/1,0.

- Từ Km0+120-Km0+250:

+ Chiều rộng nền đường $B_n=8,0\text{m}$.

+ Chiều rộng mặt đường $B_m=3,50 \times 2=7,0\text{m}$, dốc ngang mặt đường $i=2\%$.

+ Chiều rộng lề đất B.lề đất $=2 \times 0,50=1,0\text{m}$; dốc ngang lề đất $i=4\%$.

+ Độ dốc mái taluy đắp 1/1,50; mái taluy đào 1/1,0.

+ Với một số vị trí hai bên khu dân cư, thiết kế mặt đường tối đa theo hiện trạng, không thiết kế lề đất.

d) Giải pháp kết cấu nền, áo đường:

* Kết cấu áo đường và các đoạn vượt nối theo thứ tự từ trên xuống:

- Trên mặt đường mở rộng (mặt đường mới):

+ Mặt đường BTNC 16 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²;

+ Lớp móng CPĐD loại I dày 15cm;

+ Lớp móng CPĐD loại II dày 18cm;

+ Lớp nền đường cát đen đầm chặt K98 dày 50cm;

- Trên mặt đường cũ tăng cường:

+ Mặt đường BTNC 16 dày 7cm;

+ Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²;

+ Lớp móng CPĐD loại I dày 15cm;

+ Bù vênh bằng CPĐD loại I;

+ Mặt đường cũ.

* Ghi chú: Kết cấu vượt nối mở rộng (mặt đường BTNC 16 dày 7cm; Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; Lớp móng CPĐD loại I dày 15 cm; Lớp móng CPĐD loại II dày 18cm)

e) Nền đường đắp

- Các đoạn đường đi qua nền đất cũ, mặt ruộng đào bóc hữu cơ bề mặt dày trung bình 30cm; đoạn qua nương đào bùn chiều dày trung bình (50-70)cm, đắp tôn bằng cát đen đầm chặt K95.

- Lê đường và mái taluy nền đường đắp bao đất đầm chặt K90, độ dốc mái taluy đắp 1/1,5.

- Gia cố taluy các đoạn qua ao hồ bên có độ chênh cao lớn: Mái taluy xây đá hộc vữa XM mác 100 dày 30cm trên lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, tầng lọc ngược bằng đá dăm 2x4, vải địa kỹ thuật và ống PVC D60; khe lún bằng 1 lớp bao tải tấm nhựa đường 2 lớp. Móng chân khay BTXM mác 150 đá 2x4, lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m với mật độ 25 cọc/m² tại các vị trí:

+ Đoạn 3 từ Km0+38-Km0+96 bên trái tuyến;

+ Đoạn 4 từ Km0+117-Km0+137 bên phải tuyến;

- Gia cố taluy các đoạn qua ao nhà phải tuyến có 2 độ chênh cao lớn: Tường chắn xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát VXM M75 dày 1,5cm. Giằng tường đỡ BTCT đá 1x2 dày 10cm, tầng lọc ngược bằng đá dăm 2x4, vải địa kỹ thuật và ống PVC D60; khe lún bằng 1 lớp bao tải tấm nhựa đường 2 lớp. Móng đỡ BTXM mác 150 đá 2x4, lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố nền móng bằng cọc tre dài 2,5m với mật độ 25 cọc/m² tại vị trí đoạn 2 từ Km0+229-Km0+260 bên phải tuyến;

f. Hệ thống thoát nước:

- Xây dựng hệ thống rãnh dọc BTCT B=0,4m chạy ngầm dưới mặt đường đoạn qua khu dân cư, nắp tấm đan BTCT M250 chịu lực trên đệm đá dăm 2x4cm dày 10cm. Bố trí hố ga rãnh dọc khoảng cách trung bình 30-40m/1 hố ga. Ga tường xây gạch không nung VXM M75, trát VXM M75 dày 1,5cm, xà mũ đỡ BTCT M200 đá 1x2, cổ xà mũ đỡ BTCT M250 đá 1x2, tấm đan BTCT M250, nắp ga thiết kế loại composit thu thăm kết hợp. Móng đỡ BTXM M150 đá 2x4 trên đệm đá dăm 2x4 dày 10cm.

- Thiết kế hố thu nước mặt đường kết hợp thu nước mặt đường thoát sang hệ thống ga rãnh dọc tuyến. Kết cấu ga thu nước có nắp ga composit, xà mũ BTXM M200, tường xây gạch không nung VXM M75, trát VXM M75 dày 1,5cm. Móng đỡ BTXM M150 đá 2x4 trên đệm đá dăm 2x4 dày 10cm. Dùng ống HDPE D315 dày 15mm nối từ hố thu nước sang hố ga rãnh dọc.

- Đoạn 4 có 01 rãnh B400 tại Km0+100 thu nước khu dân cư trái tuyến sang bên phải tuyến rồi chạy dọc theo đất nhà dân ra phía sau lưng trường học của xã: thay thế bằng rãnh BTCT B400 qua đường và hoàn trả lại hệ thống rãnh dọc đầu nối sang bên trường học, chiều dài L_{rãnh}=23m.

- Đoạn 3 phía bên trái tuyến đoạn từ Km0+128-Km0+248,50 bố trí cống dọc đường BTCT D800 thu nước từ ao làng chạy dọc tuyến xả ra mương cuối tuyến. Kết cấu cống dọc BTCT trên đế cống BTCT mua sẵn.

- Kết cấu cống tròn ngang đường: Thân cống BTCT đúc sẵn M300 tải trọng HL93, đót 1,0m đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn M200, số lượng 2 đế/1m dài, lớp đệm móng đá dăm 2x4 dày 10cm; tường đầu, tường cánh bê tông mác 200 đá 1x2, móng bê tông mác 150 đá 2x4, lớp đệm móng đá dăm 2x4 dày 10cm. Gia cố móng cọc tre dài 2,5m đóng với số lượng 25 cọc/m².

- Kết cấu cống hộp: Thân cống BTCT đúc sẵn M300 tải trọng HL93 đót cống 1,0m; tường đầu, tường cánh bê tông mác 200 đá 1x2; móng cống, sân cống bê tông mác 150 đá 2x4, lớp đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố móng cọc tre dài 2,5m đóng với số lượng 25 cọc/m². Bản quá độ bằng BTCT mác 250 đá 1x2.

g. Hệ thống An toàn giao thông

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

(Các nội dung khác như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

2. Thời hạn hoàn thành: 240 ngày.

3. Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình là **240 ngày**.

- Yêu cầu Nhà thầu phải lập bảng tiến độ thi công cho các nội dung công việc theo yêu cầu của E-HSMT.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình:

- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc ban hành “Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025”;

- Quy trình khảo sát đường ô tô TCCS 31:2020/TCĐBVN;

- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005 (Tham khảo);

- TCVN 11823:2017: Thiết kế cầu đường bộ;

- Nền đường ô tô. Thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất TCVN 4447:2012;
- TCVN 13567 - 1: 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp bê tông nhựa nóng
- Yêu cầu thi công và nghiệm thu (Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường);
- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2023;
- Kết cấu gạch đá - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu TCVN 4085:2011;
- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan....

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

a. Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng Hồ sơ TKBVTC và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của công trình và theo chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề nêu hay không nêu trong hợp đồng.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động của công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành công trình.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng cho việc Gói thầu: Thi công xây dựng kể từ ngày khởi công xây dựng công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.

- Tổ chức thực hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong Hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Cung cấp cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, trợ lý kỹ thuật lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát, theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong công trường trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu Chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của Nhà thầu mà theo ý kiến của Chủ đầu tư người đó có hành vi vi phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì Nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và thay thế ngay khi có yêu cầu.

- Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng những phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình Nhà thầu phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực công trường được sạch sẽ.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ Hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b. Giám sát thi công:

- Giám sát kỹ thuật công trình được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công tác của Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình trong công tác trên.

- Toàn bộ vật liệu, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trình sau khi có biên bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp thuận phải chuyển khỏi phạm vi công trường.

- Khi phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây tổn hại đến công trình hoặc thiệt hại vật chất cho Chủ đầu tư phải thông báo cho tổ chức thiết kế hoặc Chủ đầu tư để có biện pháp xử lý.

- Mọi vật tư thay thế chất lượng tương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được Tổ chức thiết kế, Chủ đầu tư cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

- Các phần khuất của công trình trước khi lấp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân theo những quy định trên thì mọi tổn thất do phục hồi công trình do Nhà thầu chịu.

- Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và Chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

+ Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường.

+ Do nguyên nhân thời tiết, khí hậu.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

- Vật tư được sử dụng phải đúng chủng loại theo yêu cầu của HSMT, Hồ sơ thiết kế được duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Nhà thầu trình mẫu các thông số kỹ thuật của vật tư để TVGS chấp thuận. Mọi vật tư đưa vào công trình không có sự đồng ý của TVGS thì không được thanh toán.

- Nhà thầu phải đệ trình đầy đủ các chứng chỉ chất lượng, các kết quả kiểm định kiểm tra chất lượng cần thiết của nguyên vật liệu, các sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng.

- Các chứng chỉ và kết quả kiểm định chất lượng này là các tài liệu bắt buộc cần thiết trong Hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán và bàn giao công trình. Số

lượng, chủng loại, quy cách của các chứng chỉ, chất lượng hồ sơ kỹ thuật, kết quả kiểm định kiểm tra phải phù hợp với các quy định trong các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

- Các tiêu chuẩn áp dụng đối với vật liệu:

+ Xi măng poocăng - yêu cầu kỹ thuật: TCVN 2682-2020.

+ Xi măng poocăng hỗn hợp - yêu cầu kỹ thuật: TCVN 6260-2020.

+ Cốt liệu cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật: TCVN 7570-2006.

+ Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa: TCVN 7572-2006.

+ Gạch không nung – yêu cầu kỹ thuật: TCVN 123:1984

+ Đá dăm - Cỡ đá 1x2, 2x4 theo TCVN 7570-2006.

+ Cát vàng, cát đen - Theo TCVN 337-346-86 và TCVN 7570-2006.

+ Nước cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật: TCVN 4506:2012.

+ Các loại vật liệu khác theo quy định hiện hành.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc bảo hiểm, độ an toàn của các thiết bị tham gia thi công và chịu trách nhiệm toàn bộ về những bất lợi do các thiết bị này gây ra.

- Các máy thi công, thiết bị thi công phải được tư vấn giám sát kiểm tra, nghiệm thu trước khi đưa vào thi công công trình.

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

- Theo các quy trình, quy phạm hiện hành.

5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:

- Theo các quy trình, quy phạm hiện hành.

6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Nhà thầu thi công xây dựng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

- Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình Gói thầu Thi công xây dựng và cung cấp, lắp đặt thiết bị phải chịu trách

nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

8. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu thi công xây dựng phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

- Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn.

- Thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

- Nhà thầu thi công xây dựng có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động .

- Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công công trình ngay sau khi hợp đồng được ký kết, các thiết bị phải được huy động kịp thời đảm bảo theo tiến độ thi công; các thiết bị khác phục vụ thi công cũng phải đảm bảo tính sẵn sàng huy động.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công các hạng mục, công việc:

- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công và biện pháp thi công cho các hạng mục phù hợp với gói thầu và quy định hiện hành, không vượt thời gian quy định.

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Nhà thầu phải lập Ban điều hành công trường, trong đó các thành phần tham gia có đủ tư cách theo qui định như Chỉ huy trưởng công trường, cán bộ giám sát hiện trường, cán bộ kỹ thuật,

Nhà thầu phải lập hệ thống quản lý giám sát chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng theo đúng quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

IV. Các bản vẽ:

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

| STT | Ký hiệu | Tên bản vẽ | Phiên bản/ngày phát hành |
|------------|----------------|--------------------------------|---------------------------------|
| 1 | BVTK | Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công | 08/5/2025 |